

**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI MINH HIẾU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI MINH HIẾU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HIEU DEVELOPMENT TRADING TRANSPORTATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109844555

**3. Ngày thành lập:** 06/12/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 82-84 ngõ 31 đường Đặng Vũ Hỷ, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968249999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                  | 4659     |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác                                                                                                                                                                                                                              | 4661     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn kim loại khác<br>(trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                 | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |
| 9.  | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 0510     |
| 10. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0520     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                       | 0710        |
| 12. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                           | 0810        |
| 13. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                             | 0892        |
| 14. | Sản xuất than cốc                                                                                                                                                                                                                                         | 1910        |
| 15. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                  | 2410        |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                       | 4931        |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô đường bộ<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng                                                                                                               | 4933(Chính) |
| 19. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới                                                                                                                                             | 5022        |
| 20. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác (trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                  | 5210        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường thủy nội địa                                                                                                                | 5222        |
| 22. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                          | 5224        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: - Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ<br>- Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ                                                         | 5225        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics                                                                                                                                    | 5229        |
| 25. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                           | 7830        |
| 26. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                            | 7911        |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                     | 7912        |

|     |                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7990 |
| 29. | Xây dựng nhà để ở                                                                   | 4101 |
| 30. | Xây dựng nhà không để ở                                                             | 4102 |
| 31. | Phá dỡ                                                                              | 4311 |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                   | 4312 |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                               | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên       | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                        | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VĂN HIẾU          | Việt Nam  | HS 06.02 khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 8.000.000.000         | 80,000    | 030074020754                                                                                            |         |
| 2   | HOÀNG THỊ KIỀU CHINH | Việt Nam  | HS 06.02 khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.000.000.000         | 20,000    | 002302000034                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ VĂN HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/11/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030074020754

Ngày cấp: 16/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: HS 06.02 khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: HS 06.02 khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội